TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 21- 9 -2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Dung

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-DS ngày 30/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 2 đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V – Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Bình

Địa chỉ: Số 343 Nguyễn Tất Thành, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

(Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNNo-PC, ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Việt H-Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh-Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Bắc Bình. (có mặt)

(Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNNo-PC, ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc ngân hàng N cùng

Giấy ủy quyền số 332/UQ-NHNo-BTh-BB ngày 19/6/2023 của Giám đốc chi nhánh ngân hàng N huyện Bắc Bình)

- *Bị đơn*:

1. Anh Tsằn Cóng M, sinh năm 1981;

2. Chị Huỳnh Thị Như Ng, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn AT, xã BA, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn xác lập 02 giao dịch cấp tính dụng cho bị đơn tại Ngân hàng N (Chi nhánh BB), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010299, ngày 06/11/2020, cấp tín dụng số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận cụ thể; hợp đồng được giao kết trực tiếp với anh M, hồ sơ vay có hợp đồng ủy quyền của chị Huỳnh Thị Như Ng. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng và thực hiện khấu trừ nợ vay thông qua tài khoản lương của anh M mở tại Ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 07/5/2022, bị đơn không thực hiện trả nợ theo thoả thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/9/2023 là **300.319.287 đồng**, gồm:

+ Nợ gốc là 235.400.000 đồng,

+ Tiền lãi trong hạn là 52.876.644 đồng,

+ Tiền lãi quá hạn là 12.042.642 đồng

2. Hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010692, ngày 20/11/2020, cấp tín dụng dưới hình thức cho vay thấu chi, thoả thuận lãi suất tại hợp đồng, việc trả nợ thực hiện khấu trừ qua tài khoản lương mở tại Ngân hàng, hạn mức cấp thấu chi là 70.000.000 đồng; sau khi giải ngân, anh M đã rút toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng nhưng không thực hiện việc trả nợ theo thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 21/11/2021, cho nên anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền; tính đến ngày 21/9/2023, anh Tsằn Cóng M còn nợ là **72.767.642 đồng**, gồm:

+Nợ gốc là 70.000.000 đồng,

+Tiền lãi trong hạn là 2.767.000 đồng

Các khỏan vay trên đều là vay không có tài sản bảo đảm.

Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ về trả nợ vay được quy định trong hợp đồng, mặc dù Ngân hàng N Bắc Bình đã đôn đốc cũng như tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng phía bị đơn vẫn cố ý không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết.

Hiện nay anh Tsằn Cóng M đã thôi việc, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Ngân hàng N.

Nay Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng có nghĩa vụ trả tiền gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 305.400.000 đồng và tiền lãi 67.686.286 đồng, lãi phát sinh sau ngày 21/9/2023 cho đến khi anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại các hợp đồng trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tsằn Cóng M trình bày: Bị đơn xác nhận phần trình bày của đại diện nguyên đơn là chính xác về khoản nợ gốc, nợ lãi, đồng ý trả nợ nhưng anh Tsằn Cóng M cho rằng đây là nợ riêng của cá nhân anh Tsằn Cóng M.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Như Ng trình bày: Tại bản tự khai ngày 05/6/2023, chị Huỳnh Thị Như Ng trình bày đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 82/TB-TLVA ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Chị Huỳnh Thị Như Ng không biết anh Tsằn Cóng M vay tiền tại Ngân hàng N Bắc Bình nên chị Huỳnh Thị Như Ng không chịu trách nhiệm về khoản nợ mà Ngân hàng N Bắc Bình yêu cầu. Ngày 21/7/2023, chị Huỳnh Thị Như Ng có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải. Ngày 20/9/2023, chị Huỳnh Thị Như Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Huỳnh Thị Như Ng đã nhận được Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 21/9/2023. Chị Huỳnh Thị Như Ng đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có đơn xin giảm án phí.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án:*

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37, Điều 45 Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng phải trả số tiền **300.319.287 đồng**, gồm: Nợ gốc là 235.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 52.876.644 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.042.642 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010299 và lãi phát sinh sau ngày 21/9/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010299

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Tsằn Cóng M, chị Huỳnh Thị Như Ng phải trả số tiền **72.767.642 đồng,** gồm: Nợ gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.767.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010692 và lãi phát sinh sau ngày 21/9/2023.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc anh Tsằn Cóng M phải trả cho nguyên đơn số tiền **72.767.642 đồng** gồm: Nợ gốc là 70.000.000 đồng, Tiền lãi trong hạn là 2.767.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010692 và lãi phát sinh sau ngày 21/9/2023.

+Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng trả nợ tiền vay với số tiền gốc và lãi là 373.086.929 đồng (tính đến ngày 21/9/2023). Nguyên đơn là tổ chức tín dụng do đó, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình An, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng cùng có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi là

373.086.929 đồng (tính đến ngày 21/9/2023) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 21/9/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc tại 02 hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010299 ngày 06/11/2020 và số 4809-LAV-202010692 ngày 20/11/2020.

[3.2] Về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện: Anh M thừa nhận có vay Ngân hàng N theo 02 hợp đồng tín dụng trên và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, anh M cho rằng đây là nợ riêng của anh M không liên quan đến vợ mình là chị Ngọc. Chị Ngọc cho rằng anh M vay tiền nhưng không dùng số tiền này vào mục đích sinh hoạt của gia đình, không mang tiền về cho chị Ngọc, chị Ngọc hoàn toàn không biết gì về số tiền này nên không đồng ý cùng anh M trả nợ.

[3.3] Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.3.1] Anh M thừa nhận có vay tiền tại Ngân hàng N chi nhánh Bắc Bình theo 02 hợp đồng tín dụng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý trả nợ; do anh M đã thừa nhận nợ nên căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS 2015 thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[3.3.2] Về việc anh M và chị Ngọc đều cho rằng 02 khoản vay đều là nợ riêng của anh M do chị Ngọc không ký vay và cũng không nhận được tiền từ anh M:

Nhận thấy, tại hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010299 ngày 06/11/2020, chỉ có chữ ký của anh Tsằn Cóng M, tuy nhiên, hồ sơ thể hiện tại Điều 1 "Phạm vi ủy quyền" và Điều 2 "Thời hạn ủy quyền" của Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 29/10/2020 tại tổ chức hành nghề công chứng giữa chị Huỳnh Thị Như Ng và anh Tsằn Cóng M thể hiện nội dung chị Ngọc uỷ quyền cho anh M được toàn quyền thay mặt và nhân danh chị Ngọc thực hiện giao dịch với Ngân hàng N chi nhánh Bắc Bình (thương thảo, ký kết hợp đồng tín dụng, nhận tiền vay; ký chứng từ, trả tiền vay, lãi tiền vay…) với thời hạn 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền.

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự"*.

Tại Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện với người thứ ba phù hợp với phạm vi đại diện làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện"*.

Tại điểm c khoản 1 Điều 92 BLTTDS 2015 quy định: *"Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp; ...."* là tình tiết không phải chứng minh.

[3.3.3] Chị Ngọc đã uỷ quyền cho anh M thay mặt mình xác lập hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010299 ngày 06/11/2020, anh M đã nhận đủ số tiền thỏa thuận cấp tín dụng của hợp đồng, nên chị Ngọc có nghĩa vụ cùng anh M thực hiện

nghĩa vụ trả nợ. Chị Ng phản đối yêu cầu của Ngân hàng nhưng không đưa ra được chứng cứ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3.4] Đối với hợp đồng cấp tín dụng vay thấu chi theo hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010692, ngày 20/11/2020, nhận thấy: Từ thời điểm xác lập giao dịch cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, anh M và chị Ngọc vẫn còn là vợ chồng hợp pháp. Sau khi xác lập giao dịch, Ngân hàng N BB đã giải ngân toàn bộ số tiền trên thông qua tài khoản lương mở tại Ngân hàng N BB của anh M, anh M đã rút toàn bộ tiền được cấp hạn mức là 70.000.000 đồng ra khỏi tài khoản lương này. Theo khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định, tài sản chung của vợ chồng gồm: *"Tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động…"*; vì vậy, đây là khoản thu nhập thực tế trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh M, chị Ngọc

[3.3.5] Mặt khác, vào thời điểm giao dịch, anh M là công chức nhà nước, tới thời điểm thực hiện giao dịch, anh M đã công tác được hơn 07 năm; Ngân hàng N Bắc Bình là ngân hàng thực hiện việc chuyển lương cùng các thu nhập khác trong công việc hằng tháng qua tài khoản này và được anh M ủy nhiệm chi trích trừ thu nhập từ lương và các khoản thu nhập khác qua tài khoản hưởng lương này để trả nợ khoản vay trên.

Trong khi, lương và các khoản thu nhập khác trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, việc dùng tài sản chung của vợ chồng để thanh toán khoản vay thấu chi nhưng chị Ngọc cho rằng không biết về khoản vay, không nhận được tiền trong khi số tiền này được giải ngân thông qua tài khoản lương của anh M nhưng lại không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh M và chị Ngọc, cho nên chị Ngọc phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng anh M theo quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng cùng phải trả số tiền nợ 373.086.929 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 18.654.000 đồng. Tuy nhiên, do chị Huỳnh Thị Như Ng có đơn xin giảm án phí (được UBND xã BA xác nhận) nên HĐXX sẽ xét giảm án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án về khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 4809-LAV-202010692 ngày 20/11/2020 là nợ riêng của anh Tsằn Cóng M là không phù hợp nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 33, Điều 37 Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 305.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/9/2023 là 67.686.286 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 373.086.929 đồng và có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh sau ngày 21/9/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng số 4809-LAV-202010299 ngày 06/11/2020 và 4809-LAV-202010692 ngày 20/11/2020 (*Giao dịch tại Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Bắc Bình)* cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Về án phí:

2.1. Anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.654.000 đồng nhưng được xét giảm 30% án phí nên anh Tsằn Cóng M và chị Huỳnh Thị Như Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.058.000 đồng.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng N (Chi nhánh BB - Bình Thuận) số tiền 7.324.862 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002954 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2023). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tuấn